

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2024/HS-ST

Ngày 22/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Chính – Cán bộ hưu;
Ông Nguyễn Xuân Chung – Cán bộ hưu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Ninh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 và 22 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/HSST-QĐ ngày 31/7/2024 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2024/HSST-QĐ ngày 21/8/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 1966. Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: **Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang**; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn Giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: Lớp 07/10; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Đảng viên (Đã bị khai trừ theo Quyết định số 121-QĐ/UBKTHU ngày 19/9/2023 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện L); con ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1929 (Đã chết); con bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1930 (Đã chết); gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 07; chồng: **Vũ Trí Đ**, sinh năm 1960; con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Chưa có;

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa

Luật sư bào chữa cho bị cáo: Ông **Triệu Hạnh H1** - Luật sư, thuộc **Văn phòng L1**, Đoàn Luật sư, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: **Số nhà I, đường H, phường N, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.**

(Ngày 20/8/2024 ông H1 có mặt; ngày 21/8/2024 ông H1 vắng mặt; ngày 22/8/2024 bị cáo Nguyễn Thị H từ chối Luật sư Triệu Hạnh H1).

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982 (có mặt);
- Bà Bùi Thị T2, sinh năm 1973 (có mặt ngày 20 và 21/8/2024, vắng mặt ngày 22/8/2024);
- Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973 (có mặt);
- Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do ông Vũ Công Đ1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện L (xin vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do ông Trần Văn C - Chức vụ: Công chức Địa chính-Xây dựng đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thị trấn Đ (xin vắng mặt).

- Bà Chu Thị Thanh H3, sinh năm 1985 (có mặt);
- Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 (có mặt);
- Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1962 (có mặt ngày 20 và 21/8/2024, vắng mặt ngày 22/8/2024);

- Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1954 (có mặt);
- Bà Vũ Thị T6, sinh năm 1956 (có mặt);
- Bà Lê Thị Hồng Q, sinh năm 1977 (vắng mặt);
- Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);
- Ông Thân Văn N, sinh năm 1982 (xin vắng mặt);
- Ông Vũ Trí H4, sinh năm 1974 (vắng mặt);
- Ông Vương Văn C2, sinh năm 1960 (có mặt).

Cùng cư trú tại: Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/3/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là CSĐT) Công an huyện L nhận được đơn tố cáo của các ông: Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1967, Nguyễn Văn P, sinh năm 1973 và Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1975, cùng trú tại Tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L, tố cáo Ban quản lý tổ dân phố (sau đây viết tắt là B) G, thị trấn Đ, huyện L gồm các ông (bà): Nguyễn Thị H, sinh năm 1966 (Tổ trưởng), ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1970 (Phó Tổ trưởng), bà Chu Thị Thanh H3, sinh năm 1985 (Bí thư chi bộ), ông Vương Văn C2, sinh năm 1970 (Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh), ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1962 (Chi hội trưởng Chi hội Nông dân), bà Nguyễn Thị T1, sinh

năm 1982 (Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ), bà **Nguyễn Thị T5**, sinh năm 1954 (Chi hội trưởng Chi hội Thanh niên xung phong) và bà **Vũ Thị T6**, sinh năm 1956 (Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi) có hành vi tự ý giao đất thu tiền trái quy định của pháp luật đối với một số thửa đất công ích tại **TDP G** và lập không giấy tờ, sổ sách để chiếm đoạt tiền của **B** vào năm 2021, 2022.

Cơ quan CSĐT **Công an huyện L** đã thụ lý, điều tra, xác định: **Nguyễn Thị H** là Tổ trưởng **B** nhiệm kỳ năm 2020-2023 (theo Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của **UBND thị trấn Đ, huyện L**) đã triển khai thực hiện kết luận tại hội nghị giao ban Thường trực Đảng ủy-HĐND-**UBND thị trấn Đ** ngày 12,19/11/2021 về việc “*Đối với TDP đề nghị nâng cấp giải áp phân đường trong tổ dân phố, tổ dân phố phải chịu trách nhiệm giải phóng mặt bằng, mặt đường phải rộng tối thiểu 05m trở lên thì UBND thị trấn sẽ đầu tư giải áp phân... xuất phát từ lợi ích cục bộ của địa phương, tại cuộc họp ngày 13/11/2021 ở nhà văn hóa B do Nguyễn Thị H chủ trì, các thành phần dự họp gồm Ban mặt trận TDP Già Khê, đại diện một số tổ liên gia, ban ngành B đã bàn về nguồn kinh phí xây dựng tường vành lao và các công trình khác cho các hộ dân hiến đất mở rộng đường và cuộc họp đã thống nhất hai nội dung như sau: “Cho ban lãnh đạo thôn đi tìm nguồn (kinh phí) các diện tích trước đây đã giao thầu” và “Ban lãnh đạo thôn làm biên bản và xin ý kiến đến từng hộ gia đình, cho thôn được phép cho nhân dân thầu đất xen kẹt, những ao hồ thúng vũng để lấy kinh phí làm đường áp phân”.*

Sau đó BQL TDP đã trực tiếp đến tận gia đình từng hộ dân xin ý kiến, kết quả xin được ý kiến được 236/262 gia đình, 236/236 hộ gia đình được xin ý kiến đồng ý với **phương án B1** đưa ra. Ngày 22/11/2021, **Nguyễn Thị H** triệu tập, chủ trì họp Ban ngành, đoàn thể thông báo kết quả xin ý kiến nhân dân đạt 96%; thành lập, bầu ra Tổ tìm nguồn để vận động các doanh nghiệp trên địa bàn hỗ trợ kinh phí cho TDP và rà soát lại diện tích đất công ích tại **TDP G** để báo cáo BQL TDP xem xét quyết định giao thầu và ban xây dựng để làm nhiệm vụ thu, chi, quản lý nguồn tiền, giám sát và triển khai xây dựng lại tường vành lao và các công trình khác cho các hộ dân hiến đất mở rộng đường.

Ngày 23, 24/11/2021, **Nguyễn Thị H** tiếp tục chủ trì họp Ban tìm nguồn; họp Ban ngành bầu ra bà **Nguyễn Thị T5** làm thủ quỹ và kiểm tra, rà soát các diện tích đất công ích của TDP Già Khê qua sổ sách theo dõi đất công ích, qua bản đồ địa chính **TDP G**. Khi tìm được vị trí đất công ích có thể giao thầu thì các thành viên BQL TDP ra thực địa kiểm tra, xác định vị trí đó đã có ai sử dụng chưa, có bị lấn chiếm hay không, nếu chưa thì xem xét lựa chọn cho giao thầu, lựa chọn người thầu, mức giá thầu với thời hạn lâu dài. Trong năm 2021 và năm 2022, **Nguyễn Thị H** là Tổ trưởng **TDP G, thị trấn Đ, huyện L** không có thẩm quyền cho giao thầu đất công, đất công ích nhưng vì lợi ích của **B** đã trực tiếp chủ trì, quyết định giao thầu đất lâu dài đối các thửa đất công, đất công ích tại

TDP Già Khê cho 04 hộ gia đình gồm: **Nguyễn Thị T1**, **Bùi Thị T2**, **Nguyễn Thị T3** và **Nguyễn Văn Đ2** sinh sống trong TDP Già Khê thu tổng số tiền 311.000.000 đồng, cụ thể:

- Giao cho bà **Nguyễn Thị T1** (địa chỉ nêu trên) 04 thửa đất với tổng diện tích 2.273,8m², thu tổng số tiền 205.000.000 đồng, cụ thể:

+ Thửa đất thứ nhất: Ngày 24/11/2021, đại diện **B** đã giao thầu thửa đất công ích có diện tích 358m² tại **A** (theo bản đồ địa chính thì mục đích sử dụng thửa đất là đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt) cho bà **Nguyễn Thị T1**, thời hạn lâu dài, số tiền giao thầu là 60.000.000 đồng. Thành phần ký vào biên bản giao thầu gồm có: **Nguyễn Thị H**- Tổ trưởng và các ông (bà): **Nguyễn Văn C1**, **Chu Thị Thanh H3**, **Nguyễn Thị T1** (ký với vai trò là người nhận thầu), **Vương Văn C2**, **Nguyễn Văn T4**, **Nguyễn Thị T5**, **Vũ Thị T6**. Ngày 24/11/2021, bà **T1** đã nộp đủ số tiền 60.000.000 đồng cho bà **T5** thủ quỹ.

+ Thửa đất thứ hai: Ngày 28/01/2022, đại diện TDP Già Khê giao thầu đất công ích, thửa số 155, tờ bản đồ số 7, diện tích 386m² tại **khu A - Đ** (theo bản đồ địa chính thì mục đích sử dụng thửa đất là đất chuyên trồng lúa nước) cho bà **Nguyễn Thị T1**, thời hạn lâu dài, số tiền giao thầu là 40.000.000 đồng. Thành phần ký vào biên bản giao thầu gồm: **Nguyễn Thị H**- Tổ trưởng và các ông (bà): **Nguyễn Văn C1**, **Chu Thị Thanh H3**, **Nguyễn Thị T1** (ký với vai trò là người nhận thầu), **Vương Văn C2**, **Nguyễn Văn T4**, **Nguyễn Thị T5**, **Vũ Thị T6**, **Lê Thị Hồng Q**, sinh năm 1977 ở cùng tổ dân phố ký vào 01 bản của biên bản giao thầu ở mục đại diện chi hội phụ nữ. Ngày 28/01/2022, bà **T1** đã nộp đủ số tiền 40.000.000 đồng cho bà **T5** thủ quỹ.

+ Thửa đất thứ ba: Ngày 18/4/2022, đại diện TDP Già Khê giao thầu đất công ích, thửa số 154, tờ bản đồ số 8, diện tích 386,3m² tại **khu R** (theo bản đồ địa chính thì mục đích sử dụng thửa đất là đất chuyên trồng lúa nước) cho bà **Nguyễn Thị T1**, thời hạn lâu dài, số tiền giao thầu là 25.000.000 đồng. Thành phần ký vào biên bản giao thầu gồm: **Nguyễn Thị H** - Tổ trưởng và các ông (bà): **Nguyễn Văn C1**, **Chu Thị Thanh H3**, **Nguyễn Thị T1** (ký với vai trò là người nhận thầu), **Nguyễn Văn T4**, **Nguyễn Thị T5** (ký vai trò thủ quỹ). Ngày 18/4/2022, bà **T1** đã nộp đủ số tiền 25.000.000 đồng cho bà **T5** thủ quỹ.

+ Thửa đất thứ tư: Ngày 19/4/2022, đại diện TDP Già Khê giao thầu 05 thửa đất công ích gồm: thửa số 318, diện tích 425,5m²; thửa số 341, diện tích 152,6m²; thửa số 360, diện tích 318m²; thửa số 378, diện tích 139,3m²; thửa số 377, diện tích 108,1m², đều tờ bản đồ số 05, tổng diện tích là 1.143,5m² tại **khu B** (theo bản đồ địa chính thì mục đích sử dụng thửa đất là đất chuyên trồng lúa nước) cho bà **Nguyễn Thị T1**, thời hạn lâu dài, số tiền giao thầu là 80.000.000 đồng. Thành phần ký vào biên bản giao thầu gồm: **Nguyễn Thị H**- Tổ trưởng và các ông (bà): **Nguyễn Văn C1**, **Chu Thị Thanh H3**, **Nguyễn Thị T1** (ký với vai

trò là người nhận thầu), Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5 (ký vai trò thủ quỹ). Ngày 19/4/2022 bà T1 đã nộp đủ số tiền 80.000.000 đồng cho bà T5 thủ quỹ.

Sau khi nhận thầu, Nguyễn Thị T1 vẫn giữ nguyên hiện trạng các thửa đất, chưa sử dụng, chưa tác động gì.

- Giao cho bà Bùi Thị T2, sinh năm 1973, trú tại TDP G, thị trấn Đ, huyện L thửa đất số 272, tờ bản đồ số 12 diện tích 24,5m² thu số tiền 6.000.000 đồng:

Năm 1993 gia đình bà Bùi Thị T2 (địa chỉ nêu trên) đổi 64m² đất thổ cư (theo gia đình bà T2 khai) ở thôn G, xã T (nay là TDP G) cho thôn G để làm nương tưới tiêu để nhận lại thửa ruộng đất công tại xứ Đồng Công Sau của TDP G, thị trấn Đ (theo bà T2 khai có diện tích 128m²; thửa đất trên bản đồ địa chính là thửa số 184, tờ bản đồ số 42, diện tích 24,5m²). Năm 2018, thôn G xây dựng đoạn nương thủy lợi khác, không sử dụng đoạn nương xây dựng trên thửa đất gia đình bà T2 đã đổi năm 1993 do gia đình bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961 ở cùng TDP đòi lại đất (đoạn nương đi qua đất đổi của gia đình bà T2, gia đình bà T3 và gia đình ông Đ2 năm 1993 nên khi gia đình bà T3 ngăn cản thì đoạn nương đi qua đất cả 3 gia đình đều không sử dụng được).

Ngày 24/11/2021, B đã thống nhất với gia đình bà Bùi Thị T2 nội dung: Gia đình bà T2 trả lại thửa đất ruộng số 272, tờ bản đồ số 12, tại khu xứ đồng Công Sau cho B giao trả lại đất thổ cư gia đình bà T2 đã đổi năm 1993 cho gia đình bà T2 quản lý, sử dụng (qua đo đạc hiện trạng thửa đất nương hiện tại có diện tích 19,2m²). Các thành phần tham gia họp, bàn và ký vào biên bản gồm có: Nguyễn Thị H - Tổ trưởng, và các ông (bà): Nguyễn Thị T1 (thư ký ghi biên bản), Vương Văn C2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5, Vũ Thị T6, Bùi Thị T2 (bà T2 ký với vai trò đại diện gia đình nhận đổi lại đất). Tiếp đó BQL TDP đưa ra chủ trương sẽ ưu tiên giao thầu lại diện tích thửa ruộng nhận lại cho gia đình bà T2, nếu gia đình bà T2 không nhận thầu thì TDP sẽ giao thầu cho người khác.

Ngày 29/11/2021, B đã giao thầu cho gia đình bà T2 khu đất B, ở xứ khu Công sau, giáp bờ sông L (không ghi thời hạn giao thầu đất, diện tích đất) với số tiền 6.000.000 đồng. Các thành phần ký vào biên bản giao thầu gồm: Nguyễn Thị - Trưởng thôn và các ông (bà): Nguyễn Thị T1 (thư ký ghi biên bản), Vương Văn C2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5, Vũ Thị T6, Bùi Thị T2 (bà T2 ký với vai trò người nhận thầu). Cùng ngày 29/11/2021, bà T2 đã nộp số tiền nhận thầu là 6.000.000 đồng cho bà T5 là người nhận tiền (bà H viết phiếu thu giao cho bà T2).

- Giao cho ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1932, địa chỉ tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L thửa đất ở Xứ Đ Vạn diện tích 86,6m² thu 70.000.000 đồng:

Năm 1993 gia đình ông Nguyễn Văn Đ2 (địa chỉ nêu trên) đổi 120m² (đất tại thửa đất thổ cư của gia đình ông Đ2 tại thôn G, xã T (nay là TDP G) cho thôn G để làm nương tưới tiêu, trạm bơm, đường ra trạm bơm và gia đình ông Đ2

nhận lại thửa đất công là đất giao thông, đất thủy lợi có tại **Xứ Đ**, **tổ dân phố G** (Theo bản đồ địa chính là thửa số 174, 175 đều từ bản đồ số 42 có tổng diện tích 86,6m²). Năm 2018, **thôn G** xây dựng đoạn mương thủy lợi khác, không sử dụng đoạn mương xây dựng trên thửa đất gia đình ông **Đ2** đã đổi năm 1993 do gia đình bà **Bùi Thị T2**, gia đình bà **Nguyễn Thị T3** ngăn cản, đòi lại đất.

Ngày 24/11/2021, **B** đã họp, bàn và thống nhất với gia đình ông **Đ2** (chị **Nguyễn Thị H2**- con gái ông **Đ2** đại diện gia đình đi họp) nội dung: Gia đình ông **Đ2** trả lại đất đã nhận tại **khu L** cho **B** sẽ giao trả lại đất thổ cư gia đình ông **Đ2** đã đổi cho thôn năm 1993. Các thành phần tham gia họp, bàn và ký vào biên bản gồm có: **Nguyễn Thị H**- Tổ trưởng và các ông (bà): ông **Nguyễn Văn C1**, **Nguyễn Thị T1** (thư ký ghi biên bản), **Vương Văn C2**, **Nguyễn Văn T4**, **Nguyễn Thị T5**, **Vũ Thị T6**, **Nguyễn Thị H2** (bà **H2** ký với vai trò đại diện gia đình nhận đổi lại đất). Tuy nhiên thực tế thửa ruộng gia đình ông **Đ2** nhận đổi của thôn năm 1993 thì gia đình ông **Đ2** đã bán cho gia đình ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1960, trú tại **tổ dân phố G** năm 2007 nên gia đình ông **Đ2** không có ruộng để trả lại cho **tổ dân phố G**.

Ngày 07/12/2021, **B** đã lập biên bản làm việc với bà **Nguyễn Thị H2** (Đại diện gia đình ông **Nguyễn Văn Đ2**) và các bên thống nhất: Gia đình ông **Đ2** phải nộp số tiền 70.000.000 đồng để nhận lại đất mương thủy lợi theo biên bản làm việc ngày 24/11/2021 do đất nhận đổi của thôn năm 1993 gia đình ông **Đ2** đã bán cho ông **V** năm 2007. Tuy nhiên về biên bản thì các bên thống nhất lập với nội dung gia đình ông **Đ2** tự nguyện nộp số tiền 70.000.000 đồng cho TDP **Già Khê** để đền bù cho thửa đất gia đình ông **Đ2** nhận của **tổ dân phố** năm 1993 đã bị sạt lở xuống **sông L** mất. Các thành phần ký vào biên bản gồm có: **Nguyễn Thị H** - Tổ trưởng và các ông (bà): **Chu Thị Thanh H3** (người lập biên bản), **Nguyễn Thị T1**, **Nguyễn Văn T4**, **Nguyễn Thị T5**, **Vũ Thị T6**, bà **Nguyễn Thị H2** (bà **H2** ký đại diện gia đình nhận đổi lại đất).

Sau khi nhận lại thửa đất, gia đình ông **Đ2** đã phá 01 bên thành mương, xây dựng tường lên thành mương còn lại và hiến một phần cho **tổ dân phố G** để mở rộng đường.

- Giao cho bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1961, trú tại **TDP G**, **thị trấn Đ** thửa đất số 192, từ bản đồ số 12, diện tích 25,3m² thu số tiền 30.000.000 đồng:

Năm 1993 gia đình bà **Nguyễn Thị T3** (địa chỉ nêu trên) đổi đất thổ cư của gia đình tại **thôn G**, **xã T** (nay là **TDP G**) cho **thôn G** để làm mương tưới tiêu và gia đình bà **T3** đã nhận lại đất công là đất đất thủy lợi thửa số 192, từ bản đồ số 12 tại **Xứ Đ Sau** (Bản đồ địa chính là thửa đất số 184, từ bản đồ số 42, diện tích 25,3m²). Do không làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với mục đích sử dụng là đất ở đối với thửa ruộng nhận đổi của thôn năm 1993 ở **Xứ Đ Sau** nên năm 2016 gia đình bà **T3** ngăn cản, đòi lại đất đã đổi cho thôn năm 1993. Năm 2018, **thôn G** xây dựng mương thủy lợi khác, không sử dụng đoạn mương

đi qua đất gia đình bà T3. Ngày 01/12/2021, B lập biên bản làm việc và thống nhất với gia đình bà Thành nội d: Gia đình bà T3 trả lại đất đã nhận tại Xứ Đ Sau cho B sẽ giao trả lại đất gia đình bà T3 đã đổi cho thôn năm 1994. Các thành phần tham gia họp và ký vào biên bản gồm có: Nguyễn Thị H - Tổ trưởng và các ông (bà): Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T1 (người ghi biên bản), Vương Văn C2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5, Vũ Thị T6, Nguyễn Thị T3 (ký với vai trò đại diện gia đình nhận đổi lại đất). Ngày 16/02/2022, B lập biên bản làm việc, thỏa thuận đổi đất giữa hai bên, nội dung biên bản giống biên bản lập ngày 01/12/2021 nhưng có thay đổi lại thông tin thửa đất đổi năm 1993 cụ thể là thửa đất số 92, tờ bản đồ số 12, diện tích 192m², các thành phần ký vào biên bản gồm: Nguyễn Thị H- Tổ trưởng và các ông (bà): Nguyễn Văn C1, Nguyễn Thị T1 (ký thư ký ghi biên bản), Vương Văn C2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T5, Chu Thị Thanh H3, Nguyễn Thị T3 (đại diện gia đình nhận đổi lại đất).

Sau khi thực hiện việc đổi lại đất thì B đã giao thầu lại cho bà T3 thửa đất gia đình bà T3 nhận đổi của thôn G năm 1993 với số tiền là 30.000.000 đồng. Ngày 29/12/2021, bà T3 đã nộp số tiền trên cho bà T5.

Thực tế việc đổi lại đất, sau đó giao thầu lại đất cho gia đình bà T3 chỉ thực hiện trên văn bản mà không tiến hành giao, nhận đất tại thực địa. Sau khi nhận lại thửa đất, gia đình bà T3 đã hiến một phần cho TDP Già Khê để mở rộng đường, lấp đất vào lòng mương, phần còn lại và lán nền bằng vữa xi măng lên một phần mương để làm sân (BL 351-379; 387-395).

Ngày 05/9/2022 Chủ tịch UBND thị trấn Đ ban hành Quyết định số 159a/QĐ-UBND thành lập tổ công tác kiểm tra việc giao thầu đất trái thẩm quyền của B giai đoạn 2020-2022. Ngày 07/10/2022 Chủ tịch UBND thị trấn Đ đã ban hành Thông báo kết luận số 85/TB-UBND, nội dung kết luận BQL B nhiệm kỳ 2020- 2022 giao thầu trái thẩm quyền 06 thửa đất tại tổ dân phố G gồm: 04 thửa đất giao thầu cho bà Nguyễn Thị T1 nêu trên, 01 thửa đất cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ2, 01 thửa ruộng cho gia đình bà Nguyễn Thị T3 (BL 156-162).

Ngày 28/11/2022, Chủ tịch UBND thị trấn Đ ban hành Quyết định số 220/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ các văn bản giao thầu đất trái thẩm quyền của B giai đoạn 2020-2022 đối với 06 thửa đất nêu trên. Ngày 27/12/2022, B đã thanh lý 04 hợp đồng giao thầu đất các ngày 24/11/2021, 28/01/2022, 18/04/2022, 19/4/2022 với Nguyễn Thị T1 (BL 166).

Ngày 14/4/2023, Chủ tịch UBND thị trấn Đ ban hành Quyết định số 70a/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ văn bản, phiếu thu tiền trái thẩm quyền của B nhiệm kỳ 2020- 2022 đối với thửa đất của bà Bùi Thị T2. Đến nay TDP Già Khê chưa tổ chức thanh lý việc giao đất trái thẩm quyền cho các hộ gia đình bà T3, bà T2, ông Đ2 (chưa hoàn trả lại tiền cho các hộ gia đình này). Đất giao trái

thẩm quyền hiện vẫn do các hộ gia đình này sử dụng, chưa hoàn trả lại cho UBND thị trấn Đ (BL 215).

Ngày 29/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện L khám xét nơi ở của Nguyễn Thị H ở tổ dân phố G, thị trấn Đ, huyện L. Kết quả khám xét thu giữ các giấy tờ có liên quan đến vụ án (BL 31-32).

** Kết quả giám định tài liệu thu giữ*

Tại bản kết luận giám định số 1145/KL-KTHS ngày 22/6/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị H dưới các mục “Giám đốc”, “Kế toán trưởng”, “Đại diện chính quyền TDP”, “Ban lãnh đạo thôn”, Đại diện BLĐT”, “Đại diện chính quyền và người có mặt”, “Đại diện chính quyền và những người có mặt”, “Chủ tọa hội nghị” trên các tài liệu cần giám (ký hiệu A2, A3, A5, A9 đến A33) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M3, M4) là do cùng một người ký, viết ra.

- Chữ ký, chữ viết mang tên Chu Thị Thanh H3, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị T5, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn T4, Vương Văn C2, Vũ Thị T6, Nguyễn Thị T3, Bùi Thị T2, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Đình S trên các tài liệu gửi giám định là do cùng một người ký, viết ra. (BL 65-68).

** Kết quả định giá tài sản các thửa đất giao thầu*

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14 ngày 20/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện L, kết luận giá thời điểm năm 2021 và năm 2024:

- Thửa đất số 171a, thuộc tờ bản đồ số 08 xã T cũ (nay thị trấn Đ), diện tích 358m², thửa đất trên là đất công ích, Mục đích: là đất nuôi trồng thủy sản (ký hiệu: A1), có giá trị là: 14.320.000 đồng.

- Thửa đất số 155, thuộc tờ bản đồ số 07 xã T cũ (nay thị trấn Đ), diện tích 386m², thửa đất trên là đất công ích, Mục đích: là đất trồng lúa nước (ký hiệu: A2), có giá trị là: 20.072.000 đồng.

- Thửa đất số 154, thuộc tờ bản đồ số 08 xã T cũ (nay thị trấn Đ), diện tích 386,3m², thửa đất trên là đất công ích, Mục đích: là đất trồng lúa nước (ký hiệu: A3), có giá trị là: 20.087.600 đồng.

- Thửa đất số 318, diện tích 425,5m²; thửa đất số 341, diện tích 152,6m²; thửa đất số 360, diện tích 318m²; thửa đất số 377, diện tích 108,1m²; thửa đất số 378, diện tích 139,3m², thuộc tờ bản đồ số 05 xã T cũ (nay thị trấn Đ). Thửa đất trên là đất công ích, Mục đích: là đất trồng lúa nước (ký hiệu: A4), có giá trị là: 59.462.000 đồng.

- Thửa đất số 174, diện tích 34,5m²; thửa đất số 175, diện tích 52,1m², thuộc tờ bản đồ số 42 xã T cũ (nay thị trấn Đ), thửa đất trên là đất công ích, Mục đích: là đất trồng cây lâu năm (ký hiệu: A5), có giá trị là: 4.156.800 đồng.

- Thửa đất số 184, diện tích 24,5m², thuộc tờ bản đồ số 42 xã T cũ (nay thị trấn Đ), thửa đất trên hiện là đất thủy lợi, Mục đích: là đất trồng cây lâu năm (ký hiệu: A6), có giá trị là: 1.176.000 đồng.

- Thửa đất số 184, diện tích 25,3m², thuộc tờ bản đồ số 42 xã T cũ (nay thị trấn Đ), thửa đất trên hiện là đất thủy lợi, Mục đích: là đất trồng cây lâu năm (ký hiệu: A7), có giá trị là: 1.214.400 đồng. Tổng trị giá là 120.488.800 đồng (BL 80-81).

Quá trình điều Nguyễn Thị H khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của bản thân như sau: Do cần tiền để xây dựng lại tường vảnh lao và các công trình khác cho các hộ hiến đất, phá tường vảnh lao để mở rộng đường. Nguyễn Thị H đã triệu tập các cuộc họp bàn, xin ý kiến để tìm các thửa đất công ích tại TDP Già Khê để giao thầu cho các hộ gia đình trong TDP G. H đã trực tiếp chỉ đạo, quyết định giao thầu lâu dài 04 thửa đất công ích cho Nguyễn Thị T1 vào các ngày 24/11/2021, 28/01/2022, 18/4/2022, 19/4/2022 thu tổng số tiền 205.000.000 đồng; giao thầu lâu dài đất công cho gia đình Bùi Thị T2 ngày 24/11/2021 thu số tiền 6.000.000 đồng; giao thầu lâu dài đất công cho gia đình Nguyễn Thị T3 ngày 01/12/2021 thu số tiền 30.000.000 đồng; thầu lâu dài đất công cho gia đình Nguyễn Văn Đ2 ngày 24/11/2021 thu số tiền 70.000.000 đồng. Tổng số tiền giao thầu đất công, đất công ích cho các hộ T1, T3, Đ2, T2 là 311.000.000 đồng đều sử dụng vào mục đích chung của tập thể TDP Già Khê, không có ai tư lợi gì.

Đối với hành vi của những người có liên quan:

Đối với ông Thân Văn N, Nguyên Bí thư Chi bộ TDP Già Khê từ 25/9/2020 đến ngày 05/01/2022. Quá trình điều tra xác định ông N có tham gia họp Ban ngành mở rộng ngày 13/11/2021, soạn văn bản cho B đi lấy ý kiến nhân dân về việc giao thầu đất trái thẩm quyền, tuy nhiên ông N không tham gia ký văn bản giao thầu đất công, đất công ích cho hộ gia đình bà T1, bà T3, ông Đ2, bà T2. Nên việc Cơ quan CSĐT Công an huyện L không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với bà Lê Thị Hồng Q, sinh năm 1977, ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1968 đều trú tại TDP G, thị trấn Đ. Quá trình điều tra xác định bà Q tham gia ký giao thầu đất công ích tại khu A- Đ cho bà Nguyễn Thị T1 ngày 28/01/2022; ông S là người viết tay, đánh máy các văn bản liên quan đến việc giao thầu 04 thửa đất công ích tại TDP G cho bà T1, giao đất (đổi đất) với gia đình bà T2, gia đình bà T3, gia đình ông Đ2. Tuy nhiên cả bà Q, anh S không được tham gia họp, bàn bạc. Bà Q ký cho đủ thành phần, ông S không tham gia ký các biên bản giao thầu đất nên việc Cơ quan CSĐT Công an huyện L không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các ông (bà): Nguyễn Văn C1, Vương Văn C2, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Thị T1, Chu Thị Thanh H3, Nguyễn Thị T5, Vũ Thị T6. Các ông, bà

này có tham gia họp bàn, ký vào các văn bản giao thầu đất cho bà T1, giao đất cho gia đình bà T3, gia đình bà T2, gia đình ông Đ2. Tuy nhiên hành vi của các ông (bà) này không giữ vai trò quyết định, những người này tham gia ký cho đủ thành phần BQL TDP, ban ngành đoàn thể TDP, họ làm vì mục đích chung, lợi ích tập thể, không có yếu tố vụ lợi cá nhân nên việc Cơ quan CSĐT Công an huyện L không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với nội dung tố cáo BQL thôn lập không giấy tờ, sổ sách để chiếm đoạt tiền của tổ T, thị trấn Đ, huyện L vào năm 2021, 2022. Quá trình điều tra xác định toàn bộ số tiền thu được từ việc giao thầu đất công ích trái quy định cho các hộ gia đình và tiền các tổ chức, cá nhân ủng hộ đều được sử dụng vào công việc chung của tổ dân phố G, thị trấn Đ (như xây dựng lại tường vành lao, trả công thợ...) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện L không đề cập xử lý.

Đối với hành vi giao thầu 02 (hai) thửa đất công ích tại thôn G Làng cho ông Hoàng Xuân T7 của Ban quy hoạch đất thôn G Làng ngày 10/10/2015. Ngày 26/3/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã ra Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị H khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen được coi là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng thu giữ: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án Nguyễn Thị H đã vận động, tự nguyện khắc phục trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 205.000.000 đồng. Số tiền của gia đình bà T2 là 6.000.000 đồng, bà T3 là 30.000.000 đồng, ông Đ2 là 70.000.000 đồng hiện chưa khắc phục.

Cáo trạng số: 48/CT-VKS ngày 22/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 357 của Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

* Tại phiên tòa ngày 20 và 21/8/2024 bị cáo H thừa nhận đã triệu tập cuộc họp ngày 13/11/2021 tại nhà văn hóa B, nhưng theo sự chỉ đạo của Bí thư Chi bộ, ông Thân Văn N. Trong biên bản cuộc họp bị cáo ký tên chủ tọa cuộc họp, nhưng diễn biến phiên họp do ông N chủ trì. Tại cuộc họp đã thống nhất hai nội dung: Cho ban lãnh đạo thôn đi tìm nguồn kinh phí các diện tích trước đây đã giao thầu và Ban lãnh đạo thôn làm biên bản và xin ý kiến đến từng hộ gia đình, cho TDP được phép cho nhân dân thầu đất xen kẹt, những ao hồ thung vũng để lấy kinh phí làm đường áp phan.

Bị cáo đã triển khai nội dung theo sự nhất trí của tập thể tổ dân phố. Bị cáo đã cùng Ban lãnh đạo TDP đi xin ý kiến bằng văn bản đến từng hộ gia đình trong TDP tìm nguồn kinh phí để bồi thường, hỗ trợ xây tường vành lao cho những hộ gia đình hiến đất để làm đường.

Bị cáo cùng ban Q2 giao thầu đất lâu dài cho bà T1, thu 205.000.000 đồng nhập quỹ TDP. Đối với các hộ bà T2, bà H2 và bà T3 chỉ là hợp lý hoá việc giao đất; số tiền các hộ này nộp đều nhập và quỹ TDP. Tổng số tiền thu được là 311.000.000 đồng.

Việc thu chi số tiền trên đều do ông Thân Văn N, Bí thư Chi bộ chỉ đạo. Bị cáo chỉ làm theo. Các văn bản giấy tờ bị cáo ký. Ông N không ký. Bị cáo làm việc hoàn toàn phục vụ TDP, không chiếm đoạt đồng nào.

Quá trình tìm đất, giao thầu, bị cáo không báo cáo Ủy ban nhân dân có thẩm quyền và Ủy ban cũng không có văn bản nào đồng ý cho bị cáo giao thầu.

Bị cáo đã nộp 205 triệu đồng để trả cho bà T1. Trong số tiền này có 40.000.000 đồng của chị H3. Còn lại 106.000.000 đồng bị cáo chưa nộp.

Bị cáo bị oan, đề nghị trả cho bị cáo 205 triệu đồng.

- Bà Nguyễn Thị T1 khai: Bà là Chi hội trưởng, hội P1, thành viên của ban Q2, bà có tham gia vào việc phát phiếu lấy ý kiến nhân dân trong TDP về tìm nguồn kinh phí để bồi thường, hỗ trợ xây tường vành lao cho những hộ gia đình hiến đất để làm đường. Bà đã nộp 205.000.000 đồng cho TDP do bà H làm tổ trưởng để nhận thầu đất lâu dài. Mục đích bà nộp tiền là để được TDP giao đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến nay bà đã được bị cáo H trả lại 205.000.000 đồng đã nộp và 15.000.000 đồng tiền lãi. Bà không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

- Bà Nguyễn Thị H2 khai: Bố bà là ông Nguyễn Văn Đ2; gia đình bà đã thống nhất với TDP, gia đình bà đã nộp 70.000.000 đồng để nhận lại nương đất thủy lợi, do gia đình bà đã đổi đất cho TDP từ năm 1993; thửa đất đổi từ năm 1993 gia đình bà đã bán cho ông V. Bà đề nghị TDP phải trả lại bà 70.000.000 đồng.

- Bà Bùi Thị T2 khai: Năm 1993 gia đình bà đổi thửa đất 64m² cho thôn G để lấy 128m² đất. Tháng 11/2023 TDP đề nghị bà trả lại thửa đất đã đổi cho Già K, hiện trạng còn 19,2m², sau đó TDP cho bà giao thầu lại và yêu cầu nộp tiền 6.000.000 đồng. Bà đã nộp số tiền này. Nay bà đề nghị phải trả lại bà 6.000.000 đồng.

Về hình phạt, bà đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

- Bà Nguyễn Thị T3 khai: Năm 1993 gia đình bà đổi đất cho thôn G để làm nương tưới tiêu, gia đình bà đã nhận lại đất công, thuộc đất thủy lợi diện tích 25,3m²; năm 2021 TDP Già Khê lập biên bản bà trả lại đất cho TDP và TDP giao lại đất cho bà với diện tích đất 192m², nhưng bà phải nộp 30.000.000 đồng.

Bà đã đồng ý nộp tiền để sau này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâu dài. Nay bà đề nghị TDP phải trả lại bà số tiền này.

Về hình phạt, bà đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

- Bà **Chu Thị Thanh H3** khai: Bà làm Phó bí thư Chi bộ, Trưởng ban B. Thực hiện chủ trương xây dựng đường áp phan của TDP, bà đã cùng Ban quản lý TDP họp và tìm nguồn kinh phí đền bù cho các hộ dân hiến đất phải phá tường vảnh lao, xây tường vảnh lao trả họ. Do bà ở nơi khác đến, nên không rõ các thửa đất ở đâu, loại đất gì. Bà chỉ tham gia các cuộc họp cho đủ thành phần, còn chỉ đạo là do Bí thư Chi bộ.

Các cuộc họp là do bà H triệu tập, bà H làm chủ tọa; ông N - Bí thư có tham gia một số cuộc họp, nhưng ông N không ký biên bản; bà không được ông N chỉ đạo gì. Việc giao thầu đất là do bà H chủ trì.

Bà đã đưa cho bà H 40.000.000 đồng để TDP trả lại cho các hộ gia đình nộp tiền nhận thầu đất. Bà đề nghị được trả lại số tiền này.

- Ông **Nguyễn Văn C1** khai: Thời điểm làm đường, ông làm tổ phó TDP, có cuộc họp ông tham gia, có cuộc họp ông không tham gia; ông làm theo sự chỉ đạo của bà H tổ trưởng. Một số biên bản giao thầu đất ông có ký biên bản, nhưng chỉ ký cho đủ thành phần.

- Ông **Nguyễn Văn T4** khai: Ông làm Chi hội trưởng, chi hội nông dân TDP, ông chỉ phụ trách về sản xuất của TDP. Khi TDP làm đường, ông được tham gia vào ban phụ trách làm đường; việc giao thầu đất cho 4 hộ gia đình, ông không có quyền hạn gì, chỉ ký tên cho đủ thành phần.

- Bà **Nguyễn Thị T5** khai: Bà làm Chi hội trưởng C3; bà có tham gia công tác làm đường cho TDP, có đi vận động các hộ dân hiến đất, một số cuộc họp của TDP bà có tham gia, việc bà ký vào các hợp đồng giao thầu đất chỉ cho đủ thành phần.

- Bà **Vũ Thị T6** khai: Bà là Chi hội trưởng Chi hội người cao tuổi, bà có tham gia công tác làm đường cho TDP, có đi vận động các hộ dân hiến đất, một số cuộc họp của TDP bà có tham gia, việc bà ký vào các hợp đồng giao thầu đất chỉ cho đủ thành phần.

- Ông **Vương Văn C2** khai: Ông làm chi hội Cựu chiến binh TDP, ông đã cùng các thành viên của TDP đi vận động các hộ dân hiến đất, một số cuộc họp của TDP bà có tham gia, việc ông ký vào các hợp đồng giao thầu đất chỉ cho đủ thành phần.

- Ông **Vũ Trí H4** khai: Hiện tại ông làm tổ trưởng TDP thay bà H4. Sau khi nhận làm tổ trưởng, ông đã cùng TDP khắc phục hậu quả, đã đi vận động, quyên góp, vay tiền để trả lại cho bà T3, bà T2 và bà H2 số tiền TDP thu. Tuy nhiên khi mang tiền trả lại thì cả 3 bà không nhận, nên ông đã sử dụng số tiền đó phục vụ công việc khác của TDP; đến nay chưa có tiền trả cho 3 bà. Bị cáo H4

khi làm tổ trưởng TDP có những sai phạm, nhưng không vì mục đích vụ lợi, vì lợi ích tập thể. Đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H4.

- Ông Vũ Công Đ1 đại diện cho UBND huyện L có ý kiến trình bày tại giai đoạn điều tra như sau: Ban lãnh đạo TDP Già Khê giao thầu đất với thời hạn lâu dài 4 thửa đất công ích cho bà Nguyễn Thị T1 và đổi đất thuỷ lợi, đất giao thông cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ2, gia đình bà Nguyễn Thị T3 và gia đình bà Bùi Thị T2 là vi phạm các quy định của Luật đất đai năm 2013. Tổ dân phố không có thẩm quyền giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Việc đổi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất là sai, vi phạm Luật đất đai. Việc đổi đất cho bà T3, bà T2 và ông Đ2 với thôn G đã hoàn thành trong năm 1993. Đất đổi của gia đình bà T2, bà T3, ông Đ2 đã được xây mương thuỷ lợi, đường giao thông và được quản lý theo đất thuỷ lợi, đất giao thông; nên B không có thẩm quyền giao lại các thửa đất đó cho gia đình bà T3, bà T2 và ông Đ2 để nhận lại đất ruộng đã đổi.

Việc Ban lãnh đạo B giao thầu đất công ích, đổi đất mương thuỷ lợi, đất giao thông là trái thẩm quyền, làm ảnh hưởng đến uy tín của UBND thị trấn Đ, UBND huyện L trong quá trình quản lý đất đai. Tuy nhiên việc làm này vì mục đích tập thể, lấy tiền xây dựng tường vành lao và các công trình khác cho các hộ dân hiến đất mở rộng đường tại TDP, không có tư lợi cá nhân; UBND thị trấn Đ đã huỷ bỏ các văn bản giao thầu, giao đất trái thẩm quyền, nên UBND huyện không có yêu cầu bồi thường.

- Ông Trần Văn C đại diện cho UBND thị trấn Đ có ý kiến trình bày tại giai đoạn điều tra như sau: Thời điểm TDP Già Khê giao thầu 4 thửa đất công ích cho bà Nguyễn Thị T1; đổi đất mương thuỷ lợi, đất giao thông cho tại B cho gia đình ông Nguyễn Văn Đ2, gia đình bà Nguyễn Thị T3, gia đình bà Bùi Thị T2 vào năm 2021, 2022 thì ban lãnh đạo TDP không báo cáo xin ý kiến UBND thị trấn trước khi thực hiện.

Sau khi phát hiện ra việc giao thầu đất trái trái quy định của pháp luật, UBND thị trấn Đ đã ban hành các quyết định huỷ bỏ các văn bản giao thầu, giao đất trái thẩm quyền và yêu cầu TDP phải hoàn trả lại tiền cho người nhận thầu, người nhận đất và thu hồi các thửa đất đã giao thầu, giao đất trái thẩm quyền.

Đến nay TDP đã tổ chức thanh lý việc giao thầu 04 thửa đất công ích với bà T1, bà T1 đã hoàn trả lại các thửa đất này, các thửa đất này chưa thay đổi gì so với thời điểm trước giao thầu. Đối với các thửa đất mương thuỷ lợi, đất giao thông giao cho gia đình bà T2, bà T3 và ông Đ2 đến nay các thửa đất này vẫn nguyên hiện trạng, chưa có gì thay đổi.

Việc giao thầu đất công ích, đổi đất mương thuỷ lợi, đất giao thông tại TDP G của bị cáo H4 và các ông bà trong ban lãnh đạo TDP là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên họ vì mục đích chung, vì tập thể, không vì mục đích tư lợi cá

nhân, đến nay các thửa đất này vẫn nguyên hiện trạng, chưa thay đổi gì. UBND thị trấn không yêu cầu gì.

- Ông **Thân Văn N** có lời khai tại giai đoạn điều tra như sau: Cuộc họp TDP ngày 13/11/2021 ông không tham gia. Ông làm Bí thư Chi bộ TDP từ tháng 9/2020, các cuộc họp Chi bộ, ông không chỉ đạo việc giao thầu đất, đổi đất cho các hộ dân, cũng không tham gia vào việc giao thầu đất, đổi đất tại **TDP G** cho hộ bà **T1**, ông **Đ2**, bà **T2** và bà **T3**.

* Đại Diện Viện kiểm sát ngày 20/8/2024 giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2, 5 Điều 357; điểm b, v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 01 đến 03 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo **H** bồi thường cho bà **T2** số tiền 6.000.000 đồng, bà **T3** là 30.000.000 đồng, bà **H2** là 70.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Buộc bị cáo **H** phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 5.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo, ông **Triệu Hạnh H1** trình bày tranh luận: Bị cáo **Nguyễn Thị h** không chỉ đạo cuộc họp ngày 13/11/2021 tìm nguồn kinh phí từ các diện tích đất trước đây đã giao thầu cho các hộ dân; bị cáo thực hiện chỉ đạo của Bí thư Chi bộ ông **Thân Văn N**; ông **N** thời điểm đó đã trực tiếp soạn thảo biên bản xin ý kiến nhân dân. Ý kiến nhân dân thời điểm đó đã đồng thuận 236/261 hộ dân đồng ý việc giao thầu đất. Bị cáo chỉ thực hiện theo ý kiến nhân dân.

Tại các biên bản họp, lãnh đạo thôn đã bàn bạc, thống nhất ý kiến giao thầu đất. Do đó việc giao thầu đất là tập thể ban lãnh đạo thôn giao, không phải cá nhân bị cáo **H** giao.

Không có việc giao đất cho bà **T3**, bà **T2** và ông **Đ2**. Vì các thửa đất như Cáo trạng nêu đã được giao từ năm 1993. Nếu có chỉ là hợp thức hoá các thửa đất đã giao trước đây.

Các trạng truy tố bị cáo **H** không đúng; cáo trạng xác định bà **T3**, bà **T1**, bà **T2** và bà **H2** là bị hại không đúng. Trong vụ án không ai bị thiệt hại, không xác định rõ thiệt hại, không xác định trách nhiệm dân sự. Xác định bị cáo **H** nộp 205.000.000 đồng khắc phục hậu quả là không thực tế.

Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc đình chỉ vụ án, tuyên bị cáo **H** không phạm tội.

- Bị cáo **Nguyễn Thị H** tranh luận: Bị cáo nhất trí lời bào chữa của Luật sư. Bị cáo xác định bị oan.

- Bà **Nguyễn Thị T1**, bà **Bùi Thị T2**, bà **Nguyễn Thị H2**, bà **Nguyễn Thị T3** đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Chu Thị Thanh H3**, ông **Nguyễn Văn C1**, ông **Nguyễn Văn T4**, bà **Nguyễn Thị T5**, bà **Vũ Trí T8**, ông **Vũ Trí H4** và ông **Vương Văn C2** không tranh luận gì, đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã phát biểu.

* Tại phiên toà ngày 21/8/2024 Bị cáo **H4** trình bày; bị cáo đã bồi thường cho bà **Bùi Thị T2** xong 6.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tạm dừng phiên toà cho bị cáo khắc phục hậu quả.

* Tại phiên toà ngày 22/8/2024 bị cáo **Nguyễn Thị H** xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan sai. Bị cáo là người chủ trì các cuộc họp TDP và là người trực tiếp giao thầu đất lâu dài cho bà **Nguyễn Thị T1**; đổi đất nương thủy lợi, đất giao thông cho gia đình ông **Nguyễn Văn Đ2**, gia đình bà **Nguyễn Thị T3**, gia đình bà **Bùi Thị T2**. Bị cáo đã tự nguyện nộp tiền khắc phục hậu quả, đã trả xong tiền cho bà **T1**, bà **T9**; do bà **T3** và bà **H2** không thoả thuận được, nên bị cáo đã nộp 100.000.000 đồng vào cơ quan Thi hành án để bồi thường.

Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Bị cáo từ chối Luật sư bào chữa cho bị cáo.

- Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như phiên toà ngày 20/8/2024.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b, c khoản 2, 5 Điều 357; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65; Điều 54 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** từ 03 năm tù về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ từ 01 đến 03 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 590 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo

Nguyễn Thị H phải bồi thường cho bà **Nguyễn Thị H2** là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng); bà **Nguyễn Thị T3** là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Xác nhận bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trên, theo biên lai thu tiền số: 0003183 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội. Buộc bị cáo **H** phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- * Bị cáo tranh luận: Bị cáo không tranh luận gì.
- * Bị hại tranh luận: Các bị hại đều xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.
- * Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Không ai tranh luận gì.
- * Kết thúc tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử, xử bị cáo mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra họ đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của những người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - **Công an huyện L**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - **Công an huyện L**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[3] Đánh giá chứng cứ:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận tội, công nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng, không oan sai. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: **Nguyễn Thị H** được bầu giữ chức vụ Tổ trưởng **tổ dân phố G** nhiệm kỳ năm 2020- 2023 (theo Quyết định số 696/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của **UBND thị trấn Đ, huyện L**). Xuất phát từ lợi ích

cục bộ của địa phương, trong thời gian từ năm 2021, 2022 **Nguyễn Thị H** đã vượt quá quyền hạn của bản thân, làm trái công vụ như: Đã tổ chức họp bàn, chỉ đạo lấy ý kiến nhân dân và Quyết định giao thầu lâu dài (không thời hạn) đối với các thửa đất công ích, đất nương thủy lợi, đất giao thông có tổng diện tích 2.410,3m² thu được tổng số tiền 311.000.000 đồng của 04 hộ gia đình (gồm: giao cho **Nguyễn Thị T1** 04 thửa với tổng diện tích 2.273,8m² vào các ngày 24/11/2021, 28/01/2022, 18/4/2022, 19/4/2022 thu tổng số tiền 205.000.000 đồng; giao thửa đất số 272, tờ bản đồ số 12 diện tích 24,5m² cho bà **Bùi Thị T2** ngày 24/11/2021 thu số tiền 6.000.000 đồng; giao thửa đất số 192, tờ bản đồ số 12, diện tích 25,3m² cho bà **Nguyễn Thị T3** ngày 01/12/2021 thu số tiền 30.000.000 đồng; giao thửa đất ở **Xứ Đ** Vạn diện tích 86,6m² cho ông **Nguyễn Văn Đ2** ngày 24/11/2021 thu số tiền 70.000.000 đồng). Toàn bộ số tiền thu được nêu trên, được nhập vào quỹ dùng vào mục đích chung của **Tổ dân phố G**.

Bị cáo giữ chức vụ là tổ trưởng tổ dân phố, đã tự ý giao thầu đất lâu dài, không được sự đồng ý của UBND có thẩm quyền là vượt quá quyền hạn của Tổ trưởng tổ dân phố. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ, tội danh được quy định tại Điều 357 của BLHS.

Bị cáo thực hiện hành vi nhiều lần với nhiều người; số tiền gây thiệt hại cho các cá nhân là 311.000.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo đã phạm vào điểm b và c khoản 2 Điều 357 của BLHS.

Như vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam truy tố bị cáo **Nguyễn Thị H** về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 357 BLHS là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3.2] Đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có chức vụ, tổ trưởng tổ dân phố. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình, bị cáo do nhận thức pháp luật về đất đai hạn chế; nóng vội tìm nguồn kinh phí thực hiện việc giải phóng mặt bằng, xây dựng đường trong tổ dân phố, đã tự ý triệu tập cuộc họp Ban lãnh đạo tổ dân phố, thống nhất xin ý kiến nhân dân về chủ trương cho thầu đất lâu dài lấy kinh phí phục vụ giải phóng mặt bằng. Dẫn đến việc giao đất, thu tiền trái thẩm quyền; thực hiện vượt quá thẩm quyền của mình. Hành vi của bị cáo đã gây thiệt hại cho các cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, làm uy tín của Nhà nước bị suy giảm, mất lòng tin của nhân dân.

Vì vậy, phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự mới phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo qui định tại Điều 52 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên toà khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi

thường thiệt hại cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen. Đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Căn cứ vào nhân thân bị cáo, tính chất mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy cần phải có hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo, mới cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Tuy nhiên HĐXX cũng xem xét trong quá trình thực hiện nhiệm vụ làm tổ trưởng, tổ dân phố, bị cáo đã đem công sức của mình phục vụ nhân dân, không có động cơ mục đích vụ lợi, chỉ mong muốn làm đổi mới cho tổ dân phố tạo điều kiện phát triển về xây dựng, kinh tế cho tổ dân phố. Tại phiên tòa, đại diện tổ dân phố cũng có lời trình bày xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Do đó cần áp dụng Điều 54 của BLHS; điểm a, d khoản 3 Điều 5 của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ; các qui định của khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố và cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 của Điều 357 BLHS quy định hình phạt bổ sung. Do đó cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn 3 năm kể từ ngày **tuyên án sơ thẩm**.

Miễn hình phạt tiền cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án Nguyễn Thị H đã vận động, tự nguyện khắc phục trả cho chị Nguyễn Thị T1 số tiền 205.000.000 đồng. Bà T1 không yêu cầu bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Trong giai đoạn xét xử, bị cáo đã bồi thường cho bà T2 là 6.000.000 đồng, bà T2 không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo đã nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam 100.000.000 đồng để bồi thường cho bà T3 là 30.000.000 đồng và ông Đ2 do bà H2 là con gái đại diện là 70.000.000 đồng. Do đó xác nhận bị cáo đã bồi thường xong trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đề nghị được trả lại số tiền bị cáo đã bỏ ra để bồi thường cho bị hại; bà H3 đề nghị được trả số tiền 40.000.000 đồng đã đưa cho bị cáo để bồi thường cho bà T1

Do bị cáo sử dụng số tiền trên vào mục đích xây dựng công trình của **P1**; công trình chung của tập thể. Bị cáo đã bồi thường cho bà **T1**, bà **T2**, bà **H2** và bà **T3** tổng số tiền 311.000.000 đồng. Do đó bị cáo có quyền khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền trên từ tập thể **tổ dân phố G** bằng vụ kiện dân sự khác.

Bà **H3** đưa cho bị cáo **H** 40.000.000 đồng. Bà **H3** có thể khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền này bằng vụ kiện dân sự khác.

[7] Về các nội dung khác:

- Đối với ông **Thân Văn N**, nguyên Bí thư Chi bộ TDP Già Khê từ 25/9/2020 đến ngày 05/01/2022. Quá trình điều tra xác định ông **N** có tham gia họp Ban ngành mở rộng ngày 13/11/2021, soạn văn bản cho **B** đi lấy ý kiến nhân dân về việc giao thầu đất trái thẩm quyền, tuy nhiên ông **N** không tham gia ký văn bản giao thầu đất công ích cho hộ gia đình bà **T1**, bà **T3**, ông **Đ2**, bà **T2**. Nên việc Cơ quan CSĐT **Công an huyện L** không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với bà **Lê Thị Hồng Q**, ông **Nguyễn Đình S**. Quá trình điều tra xác định bà **Q** tham gia ký giao thầu đất công ích tại **khu A- Đ** cho bà **Nguyễn Thị T1** ngày 28/01/2022; ông **S** là người viết tay, đánh máy các văn bản liên quan đến việc giao thầu 04 thửa đất công ích tại **TDP G** cho bà **T1**, giao đất (đổi đất) với gia đình bà **T2**, gia đình bà **T3**, gia đình ông **Đ2**. Tuy nhiên cả bà **Q**, anh **S** không được tham gia họp, bàn bạc. Bà **Q** ký cho đủ thành phần, ông **S** không tham gia ký các biên bản giao thầu đất công ích nên việc Cơ quan CSĐT **Công an huyện L** không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với các ông (bà): **Nguyễn Văn C1**, **Vương Văn C2**, **Nguyễn Văn T4**, **Nguyễn Thị T1**, **Chu Thị Thanh H3**, **Nguyễn Thị T5**, **Vũ Thị T6**. Các ông, bà này có tham gia họp bàn, ký vào các văn bản giao thầu đất cho bà **T1**, giao đất cho gia đình bà **T3**, gia đình bà **T2**, gia đình ông **Đ2**. Tuy nhiên hành vi của các ông (bà) này không giữ vai trò quyết định, những người này tham gia ký cho đủ thành phần BQL TDP, ban ngành đoàn thể TDP, họ làm vì mục đích chung, lợi ích tập thể, không có yếu tố vụ lợi cá nhân nên việc Cơ quan CSĐT **Công an huyện L** không đề cập xử lý là có căn cứ.

- Đối với nội dung tố cáo BQL thôn lập không giấy tờ, sổ sách để chiếm đoạt tiền của **tổ T**, **thị trấn Đ**, **huyện L** vào năm 2021, 2022. Quá trình điều tra xác định toàn bộ số tiền thu được từ việc giao thầu đất công ích trái quy định cho các hộ gia đình và tiền các tổ chức, cá nhân ủng hộ đều được sử dụng vào công việc chung của **tổ dân phố G**, **thị trấn Đ** (như xây dựng lại tường vành lao, trả công thợ...) nên Cơ quan CSĐT **Công an huyện L** không đề cập xử lý.

- Đối với hành vi giao thầu 02 (hai) thửa đất công ích tại **thôn G Làng** cho ông **Hoàng Xuân T7** của Ban quy hoạch đất **thôn G Làng** ngày 10/10/2015. Ngày 26/3/2024, Cơ quan CSĐT **Công an huyện L** đã ra Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan để tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý sau.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo **H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, các bị hại, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c, khoản 2 và khoản 5 Điều 357; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị H** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, về tội Lạm quyền trong khi thi hành công vụ; thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn 3 năm kể từ ngày **tuyên án sơ thẩm**.

Giao bị cáo **Nguyễn Thị H** cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 590 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị H** phải bồi thường cho:

- Bà **Nguyễn Thị H2** là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng);
- Bà **Nguyễn Thị T3** là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xác nhận bị cáo đã bồi thường đủ số tiền trên, theo biên lai thu tiền số: 0003183 ngày 22/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo **Nguyễn Thị H** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (tiền án phí không tính lãi).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- - TAND tỉnh Bắc Giang;
- - VKSND tỉnh Bắc Giang;
- - VKSND huyện Lục Nam;
- - Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- - Công an huyện Lục Nam;
- - Bị cáo;
- - Bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- - UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- - Lưu hồ sơ + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh